CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa lập Kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng
Từ 16 giờ 00 ngày 07 tháng 11 năm 2026 đến 16 giờ 00 ngày 08 tháng 11 năm 2026
tại khu vực Cảng biển Thanh Hoá như sau:

Thời gian	Tên tàu	Mớn nước (m)	LOA (m)	DWT	Tàu lai	Tuyến Luồng	Từ	Đến	Đại lý
A. KHU VỰC NGHI SƠN									
I. TÀU VÀO CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
00:00	THIÊN PHÚ	5,1	79,80	3.349	Nil	TH PTSC	P0	Cầu 1	Nil
07:00	PHÚC HẢI 18	5,2	94,25	4.998	NB01	TH PTSC	P/s	Cầu 1	Nil
14:20	Mặt Trời Việt 28	3,2	79,68	2.635	Nil	TH PTSC	P0	Cầu 2	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
06:00	NGÂN SƠN 39	2,0	75,00	2.700	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Cập mạn tàu CHUN KAI 5
11:00	THÀNH PHÁT 89	4,6	79,96	4.622	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 3	Cập mạn tàu H SEALION
14:40	QUANG HƯNG 168	2,5	79,86	3.155	Nil	TH ĐD	P/s	Cầu 4	Cập mạn tàu MINH KHÁNH 36
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							

	N/A				Nil	TH G.MA	P0	Cầu 6	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
19:20	Vũ Đình 09	2,6	89,68	5.483,70	Nil	TH LS	P0	Cầu 7	Nil
19:40	Long Sơn 38	2	79,60	4.157,00	LS 135	TH LS	P/s	Cầu 9	Nil
13:00	Hòa Bình	6,5	106,18	7.568,30	LS 135	TH LS	P/s	Cầu 9	Nil
15:00	Vũ Đình 16	1,8	102,80	6.996,80	LS 135	TH LS	P/s	Cầu 8	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
22:00	Tấn Phúc 01	5.2	79.8	3447.6	Nil	TH QTr	NĐ1	Cầu 11	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05: LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
18:00	XING ZHONG HAI	6.00	115,90	10209	VAS 3006	TH QT	P/s	Cầu số 05	KBP
22:20	TÂN HẢI LỘC 01		79,00	3050	Nil	TH QT	P/s	Cầu số 1/2	Nil
23:20	ZHOU SHUN AN 5	6.00	139,93	16000	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	P0	Cầu số 3/4	KBP
05:20	JING HUI		75,00	2734	Nil	TH QT	P/s	Cầu số 03	TEXI
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
04:00	Tấn Phúc 01	5.2	79.8	3447.6	Nil	CD NĐ1	Cầu 11	NĐ1	Nil

8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A				HVS48. TV2	CD NĐ2	Khu CT	NĐ2	Nil
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
	N/A				NS01;NS02	CDXM	P/s	Cầu 1	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	P0	AP1	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
	N/A				PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2A	VITACO Nghi Sơn
II. TÀU RỜI CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
17:40	Thuận Trung 08	5,2	79,90	3.791	Nil	TH PTSC	Cầu 1	P0	Nil
23:00	Việt Thuận 10-02	5,2	103,80	10.116	NB01	TH PTSC	Cầu 1	P/s	Nil
13:00	Hoa Mai 88	9,5	113,00	12.704	NB01	TH PTSC	Cầu 2	P/s	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							

16:00	TRƯỜNG XUÂN 68	4,5	78,63	3.236	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
05:00	MẶT TRỜI VIỆT 26	4	79,68	2.635	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
09:00	BẢO LONG 05	2,5	79,80	3.718	Nil	TH ĐD	Cầu 3	P0	Nil
13:40	PHƯƠNG NAM 288	4,8	79,90	4.982	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P0	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
21:40	THANH BINH 05	4.1	78,50	3221	Nil	TH G.MA	Cầu 6	P0	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
19:00	Vũ Đình 135	5.1	102,80	1919.2	LS135	TH LS	Cầu 8	P0	Nil
13:20	Trường Nguyên SKY	1.1	147,79	1973.10	L135-LS136	TH LS	Cầu 9	P/s	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
	N/A				Hải Châu 06	TH QTr	Cầu 11	P/s	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05:LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
16:20	YONG SHENG VII	3.1	98,00	1914.7	VAS 3006	TH QT	Cầu số 05	P/s	KPB
12:20	GEELY	4.1	158,00	1957.6	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	Cầu số 1/2	P/s	KPB
12:40	T&T GOLD	9.1	167,00	1972.10	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	Cầu số 3/4	P/s	ĐỨC NHÂN

13:00	HJ XIANGHE	9.1	199,00	2038.12	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	Cầu số 03	P/s	KPB
17:00	HUA HAI ZHI XING	3.1	139,00	1928.2	VAS 3006 VAS 3008	TH QT	Cầu số 04	P/s	KPB
18:00	THÀNH ĐẠT 528	3.1	79,00	1911.12	Nil	TH QT	Cầu số 2A	P/s	Nil
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
22:00	Tấn Phúc 01	5.2	79.8	3447.6	Nil	CD NĐ1	NĐ1	Cầu 11	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A	5,6	145,00	180.000	HVS48. TV2	CD NĐ2	NĐ2	Khu CT	Hai Van
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
	N/A				NS01;NS02	CDXM	Cầu 1	P/s	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	AP1	P0	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
	N/A				PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 4A	P/s	BFAST AGENCY
B. KHU VỰC LỆ MÔN									
Bến cảng lệ Môn		Chiều dài bến: L=110m; DWT=5000							

						Lệ Môn	Lệ Môn	Nghi Sơn	Nil
Ghi chú Tàu bổ sung, thay đổi kế hoạch									
						Thanh Hoá, 17h00' ngày 07 tháng 11 năm 2026			
Nơi nhận: - Như trên; - Giám đốc (để b/cáo); - Chi nhánh Hoa tiêu VI; - Phòng AT&ANHH; - Các Doanh cảng biển; (để t/hiện) - Các Doanh nghiệp lai dắt; - Lưu: QLKCHT.		**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH** **Mai Văn Khánh**				**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** **Lê Duy Hiếu**			